

Những thay đổi trong cơ cấu việc làm tại Nghệ An trong giai đoạn 2009-2019

Nguyễn Hà Đông*, Trịnh Thái Quang**

Tóm tắt: Việc làm là nền tảng căn bản cho sự phát triển kinh tế - xã hội và là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá sự phát triển của một nền kinh tế. Bài viết này tập trung tìm hiểu về thực trạng việc làm và sự biến đổi của cơ cấu việc làm tại Nghệ An trong giai đoạn 2009-2019, qua phân tích số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 của Nghệ An. Kết quả phân tích cho thấy sự gia tăng nhỏ trong tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm ở Nghệ An giai đoạn 2009-2019. Cơ cấu việc làm ở Nghệ An đã có sự dịch chuyển theo chiều hướng giảm tỷ lệ lao động giản đơn, tăng tỷ lệ lao động cần chuyên môn - kỹ thuật nhưng tốc độ còn chậm và có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền. Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm xuống trong khi tỷ lệ lao động trong ngành khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có xu hướng gia tăng. Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính thu hút lao động ở vùng núi và trung du trong khi khu vực đồng bằng ven biển có ưu thế hơn trong ngành dịch vụ và khai khoáng, công nghiệp, xây dựng¹.

Từ khóa: Việc làm; Cơ cấu việc làm; Dân số; Nghệ An.

Phân loại ngành: Xã hội học, Kinh tế học.

Ngày nhận bài: 5/8/2022; ngày chỉnh sửa: 22/8/2022; ngày duyệt đăng: 9/9/2022.

1. Đặt vấn đề

Việc làm là nền tảng căn bản cho sự phát triển kinh tế và xã hội và là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá sự phát triển của một nền kinh tế. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc làm có vai trò quan

* ThS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Bộ “Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An” do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện năm 2020-2022.

trọng trong giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và mang lại những chuyển đổi tích cực trong xã hội. Việc làm cho phụ nữ góp phần làm thay đổi cách chi tiêu và đầu tư cho giáo dục và sức khỏe của trẻ em và của các hộ gia đình. Việc làm cũng mang lại cho các thành viên gia đình tri thức về công nghệ và quản lý mới, giúp nam thanh niên tránh được bạo lực... Ở cấp độ cá nhân, việc làm là vấn đề thiết yếu của phần đông dân số, mang lại thu nhập cũng như góp phần khiến họ tự tin và hạnh phúc (World Bank, 2012). Vì vậy, nghiên cứu việc làm và các đặc trưng về việc làm có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của từng địa phương. Vấn đề việc làm và những biến đổi cơ cấu việc làm vẫn là chủ đề thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu nhưng trong phạm vi tỉnh Nghệ An, vấn đề này còn chưa được quan tâm nhiều. Trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp Bộ “Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An”, bài viết này tìm hiểu về thực trạng việc làm cũng như sự biến đổi của cơ cấu việc làm tại Nghệ An trong giai đoạn 2009-2019. Bài viết tập trung vào một số góc độ gồm: 1) trình độ chuyên môn - kỹ thuật²; 2) cơ cấu nghề nghiệp³; và 3) cơ cấu ngành kinh tế⁴ trên cơ sở phân tích số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 của Nghệ An.

2. Các phát hiện chính

2.1. Tình trạng việc làm của dân số Nghệ An

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Nghệ An có 75,4% người lao động từ 15 tuổi trở lên hiện đang có việc làm. So với năm 2009 (75,0%), tỷ lệ lao động có việc làm ở Nghệ An có sự tăng nhẹ. Tỷ lệ có việc làm ở nam giới cao hơn so với phụ nữ dù mức chênh không lớn. Năm 2019, 78,2% lao động nam có việc làm trong khi tỷ lệ này ở nữ là 72,5%. Tuy nhiên, mức chênh này có xu hướng nới rộng ra so với năm 2009 dù không nhiều (5,9 điểm phần trăm năm 2019 so với 4 điểm phần trăm năm 2009).

² Biện số về trình độ chuyên môn kỹ thuật được xây dựng dựa trên câu hỏi về trình độ giáo dục, đào tạo cao nhất đã đạt được và được chia thành 5 nhóm gồm (1) chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật, (2) sơ cấp, (3) trung cấp, (4) cao đẳng và (5) đại học trở lên.

³ Biện số về cơ cấu nghề nghiệp được xây dựng dựa trên câu hỏi về công việc chính đã làm trong 7 ngày qua hoặc trước khi tạm nghỉ và được nhóm lại thành 4 nhóm gồm (1) các nhà lãnh đạo, nhà chuyên môn kỹ thuật bậc cao và bậc trung; (2) nhóm nhân viên gồm nhân viên trợ lý văn phòng, nhân viên dịch vụ và bán hàng; (3) nhóm thợ gồm thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị, thợ thủ công và các thợ khác có liên quan và (4) nhóm lao động giản đơn gồm các nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp và các nghề giản đơn.

⁴ Biện số về cơ cấu ngành kinh tế được xây dựng trên câu hỏi về tên cơ sở làm việc trong 7 ngày qua hoặc trước khi tạm nghỉ và được chia thành ba nhóm chính gồm (1) nông, lâm, ngư nghiệp; (2) công nghiệp và xây dựng và (3) dịch vụ.

Trong 10 năm từ 2009-2019, trình độ học vấn của lao động có việc làm ở Nghệ An có xu hướng được nâng cao. Tỷ lệ có việc làm ở cả hai nhóm trung học phổ thông (THPT) và trên THPT năm 2019 đều cao hơn so với năm 2009. Tỷ lệ này tăng nhanh hơn ở nhóm THPT từ 75,6% năm 2009 lên 83,8% năm 2019. Ngược lại, tỷ lệ có việc làm có xu hướng giảm xuống ở cả hai nhóm có trình độ học vấn thấp hơn. Trong vòng 10 năm, tỷ lệ có việc làm ở nhóm tiểu học và trung học cơ sở (THCS) giảm lần lượt là 3,9 điểm phần trăm và 2,3 điểm phần trăm. Việc giảm tỷ lệ lao động có việc làm ở hai nhóm này phần nào là kết quả của việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng cao trình độ học vấn đã góp phần cải thiện trình độ học vấn của người dân nói chung và người lao động nói chung.

Năm 2019, tỷ lệ có việc làm ở các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) cao hơn so với nhóm người Kinh (80,5% so với 74,5%). So với năm 2009, mức chênh lệch này có xu hướng thu hẹp (từ 12,9 điểm phần trăm năm 2009 xuống còn 6 điểm phần trăm năm 2019) do tỷ lệ lao động có việc làm ở nhóm người Kinh đã tăng nhẹ từ 73,2% năm 2009 lên 74,5% năm 2019 trong khi tỷ lệ này ở nhóm DTTS có xu hướng giảm từ 86,1% xuống còn 80,5% trong cùng thời kỳ.

Bảng 1. Tình trạng có việc làm tại Nghệ An năm 2019 (%)

		Năm 2009	Năm 2019
Nơi cư trú	Thành thị	57,9	65,3
	Nông thôn	77,7	77,1
Giới tính	Nam	77,1	78,4
	Nữ	73,1	72,5
Dân tộc	Kinh	73,2	74,5
	DTTS	86,1	80,5
Trình độ học vấn	Tiểu học	71,4	67,5
	THCS	77,8	75,5
	THPT	75,6	83,8
	Trên THPT	74,8	76,4

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019.

Hiện nay, tỷ lệ có việc làm ở Nghệ An vẫn chủ yếu ở nhóm tuổi từ 20-59, trong đó tập trung cao nhất ở nhóm 30-49 tuổi với khoảng 93% tổng số người lao động trong độ tuổi. Đáng lưu ý là tỷ lệ có việc làm ở nhóm dưới 20 tuổi và từ 60 tuổi trở lên đều tập trung ở nông thôn. 30,9% lao động từ 15-19 tuổi ở nông thôn có việc làm, cao gấp hơn 3 lần so với nhóm ở đô thị (8,7%). Tương tự, nhóm người cao tuổi ở nông thôn đang có việc làm chiếm 45,3%, cao gấp

đôi so với nhóm ở đô thị (25%). Kết quả này một mặt cho thấy tính tích cực lao động của người cao tuổi nhưng cũng phần nào chứng tỏ gánh nặng kinh tế đối với người cao tuổi ở nông thôn do tỷ lệ được hưởng lương hưu ở khu vực này còn rất thấp.

Như vậy, tỷ lệ lao động của dân số từ 15 tuổi trở lên có việc làm ở Nghệ An giai đoạn 2009-2019 có sự tăng nhẹ. Nhóm có trình độ học vấn cao có tỷ lệ có việc làm cao hơn so với các nhóm có trình độ học vấn thấp hơn, đặc biệt là so với nhóm có trình độ tiểu học. Tỷ lệ lao động có việc làm ở khu vực đô thị thấp hơn đáng kể so với nông thôn.

2.2. Cơ cấu lao động có việc làm theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Tuy tỷ lệ lao động có việc làm ở Nghệ An cao nhưng chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật (CMKT). Năm 2019, tỷ lệ này chiếm tới 79,1%, cao hơn mức trung bình chung của cả nước (76,9%) dù mức chênh không lớn. Ngược lại, tỷ lệ lao động có việc làm có trình độ đại học trở lên chỉ chiếm 8,5% số lao động có việc làm hiện nay, thấp hơn mức trung bình chung của cả nước (10,6%).

Bảng 2. Cơ cấu lao động có việc làm chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và giới tính (%)

	2009			2019			
	Chung	Nam	Nữ	Cả nước	Chung	Nam	Nữ
Chưa qua đào tạo CMKT	86,4	84,8	87,9	76,9	79,4	76,2	82,1
Sơ cấp	2,1	2,7	1,4	4,7	4,5	7,7	1,1
Trung cấp	6,0	6,9	5,1	4,0	4,0	4,6	3,3
Cao đẳng	1,8	1,5	2,2	3,8	3,9	3,4	4,4
Đại học trở lên	3,8	4,1	3,4	10,6	8,5	8,1	9,0
Tổng	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019; Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019.

Sau 10 năm, tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật có xu hướng giảm xuống trong khi lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật có xu hướng gia tăng. So với năm 2009, tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo đã giảm 7,3 điểm phần trăm (86,4% so với 79,1%). Ngược lại, tỷ lệ lao động có việc làm có trình độ chuyên môn ở các cấp đều tăng lên hơn gấp đôi trừ nhóm trung cấp. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên đã tăng từ 3,8% năm 2009 lên 8,5% năm 2019.

Tỷ lệ lao động có việc làm theo trình độ chuyên môn kỹ thuật có sự chênh lệch theo giới tính. Lao động nam có việc làm chưa qua đào tạo năm 2009 chiếm 84,8% thấp hơn so với nhóm nữ (87,9%). Trong 10 năm qua, tỷ lệ lao động nam và nữ có việc làm chưa qua đào tạo đều có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ lao động nam chưa qua đào tạo vẫn thấp hơn so với lao động nữ (năm 2019: 76,2% so với 82,1%). Ngược lại, tỷ lệ lao động nữ có việc làm có trình độ đại học trở lên trong 10 năm qua có tốc độ tăng cao hơn so với nhóm nam cùng trình độ. Từ chỗ tỷ lệ lao động nữ có việc làm có trình độ đại học trở lên thấp hơn so với nhóm nam vào năm 2009 (tỷ lệ tương ứng là 3,4% và 4,1%), đến năm 2019, tỷ lệ này ở nhóm nữ đã cao hơn so với nhóm nam dù mức chênh không nhiều (9,0% so với 8,1%).

Trình độ chuyên môn kỹ thuật giữa người Kinh và người DTTS ở Nghệ An có sự chênh lệch rõ rệt. Năm 2019, tỷ lệ có việc làm đã qua đào tạo ở nhóm người Kinh cao hơn đáng kể so với nhóm DTTS (22,9% so với 9,1%). Trong các nhóm DTTS chiếm tỷ lệ cao ở Nghệ An, lao động có việc làm người Mông đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất với 12,6% trong khi người Khơ Mú chiếm tỷ lệ thấp nhất với 4,5%.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo ở Nghệ An có sự chênh lệch rõ rệt giữa các vùng phát triển với các vùng kém phát triển trong đó lao động có việc làm đã qua đào tạo, đặc biệt ở nhóm có trình độ từ đại học trở lên vốn thường tập trung ở các đô thị phát triển. Tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo nông thôn cao hơn nhiều so với ở khu vực đô thị (năm 2019, tỷ lệ tương ứng là 82,8% và 54,2%) và đều thấp hơn so với trung bình cả nước. Ngược lại, ở đô thị tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo ở mọi trình độ đều cao hơn so với ở nông thôn và cao hơn so với mức trung bình cả nước. Đặc biệt, tỷ lệ lao động có việc làm có trình độ đại học trở lên ở khu vực đô thị chiếm 24,4%, cao gấp gần 4 lần so với ở nông thôn.

So với năm 2009, tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo ở cả nông thôn và đô thị đều có xu hướng giảm xuống nhưng còn chậm, đặc biệt ở đô thị. Trong 10 năm, tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo ở đô thị giảm 1,6 điểm phần trăm trong khi tỷ lệ này ở nông thôn là 7,2%. Ngược lại, tỷ lệ lao động ở trình độ cao như đại học trở lên có xu hướng tăng cao. Ở đô thị, tỷ lệ lao động có việc làm có trình độ từ đại học trở lên tăng từ 16,2% năm 2009 lên 24,4% năm 2019 trong khi tỷ lệ này ở nông thôn tương ứng là 2,3% và 6,2%. Kết quả này gắn liền với sự phát triển của hệ thống giáo dục đào tạo, đặc biệt là các trường đại học trong những năm qua.

Tương tự, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo có sự chênh lệch giữa các vùng. Tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo ở vùng núi cao chiếm tỷ lệ cao nhất với 85,6% và giảm dần xuống còn 82,5% ở vùng núi thấp và trung du

và 75,4% ở đồng bằng ven biển. Ngược lại, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo ở mọi trình độ ở vùng núi cao đều thấp hơn so với vùng núi thấp và trung du và đồng bằng ven biển. Riêng đối với trình độ đại học trở lên, tỷ lệ lao động ở đồng bằng ven biển chiếm 10,5%, cao gần gấp đôi so với vùng núi cao và núi thấp, trung du (đều chiếm 6,1%). Như vậy, tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn vẫn tập trung nhiều ở khu vực đồng bằng.

Bảng 3. Cơ cấu lao động có việc làm qua đào tạo theo nông thôn - đô thị của tỉnh Nghệ An và của cả nước (%)

	2009		2019			
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị		Nông thôn	
	Nghệ An	Nghệ An	Cả nước	Nghệ An	Cả nước	Nghệ An
Chưa qua đào tạo CMKT	55,8	90,0	60,7	54,2	84,4	82,8
Sơ cấp	6,4	1,6	6,2	7,1	4,0	4,1
Trung cấp	17,1	4,7	5,5	7,4	3,4	3,5
Cao đẳng	4,5	1,5	5,4	6,9	3,0	3,5
Đại học trở lên	16,2	2,3	22,2	24,4	5,2	6,2
Tổng	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019; Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019.

2.3. Cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp

Trong cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp, lao động giản đơn đang là công việc chiếm tỷ lệ cao nhất với hơn 1/2 số lao động có việc làm tại Nghệ An đang làm công việc này. So với năm 2009, tỷ lệ lao động lao động giản đơn ở Nghệ An năm 2019 đã giảm đáng kể (18,7 điểm phần trăm) nhưng vẫn còn cao cho thấy lao động giản đơn vẫn là công việc chính của lao động tại Nghệ An.

Tỷ lệ lao động làm các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật ở Nghệ An có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2009-2019 nhưng tập trung ở các nhóm ngành có trình độ kỹ thuật chưa cao gồm nhân viên văn phòng, dịch vụ cá nhân và bán hàng và thợ thủ công, thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị. Tỷ lệ lao động trong hai nhóm nghề này đều tăng gần gấp đôi trong giai đoạn 2009-2019. Trong khi đó, tỷ lệ lao động làm lãnh đạo hoặc các nghề chuyên môn kỹ thuật bậc cao và bậc trung cũng tăng nhưng còn chậm (6,9% so với 7,9%).

Lao động nữ vẫn chiếm ưu thế hơn trong các ngành đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Tỷ lệ lao động nữ làm lãnh đạo hoặc các nghề chuyên môn kỹ thuật bậc và bậc trung năm 2019 là 9,5%, cao hơn so với nam giới (6,3%) và so

với năm 2009, khoảng cách giới trong nhóm nghề này đã được nới rộng (năm 2009: tỷ lệ nam là 6,4% và nữ là 7,4%). Khoảng cách giới trong nhóm nghề nhân viên văn phòng/ dịch vụ và bán hàng vẫn được duy trì với ưu thế thiên về nữ giới. Tỷ lệ nữ giới làm nhân viên văn phòng, dịch vụ và bán hàng năm 2019 là 21,3%, cao gần gấp đôi nam giới (12,4%). Ngược lại, lao động nam chiếm ưu thế vượt trội so với nhóm nữ trong nghề thợ thủ công, thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị. Năm 2019, 32,8% lao động nam từ 15 tuổi trở lên có việc làm đang làm nghề này, cao gấp hơn 3 lần so với nhóm nữ (9,7%). Trong khi đó, tỷ lệ lao động làm nghề giản đơn ở cả nhóm nam và nữ đều giảm trong giai đoạn 2009-2019 nhưng tỷ lệ này ở nhóm nữ vẫn luôn cao hơn đáng kể so với nhóm nam. Năm 2019, vẫn còn 59,6% lao động nữ làm các công việc giản đơn trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 48,5%. Ưu thế của lao động nữ trong các ngành đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao phần nào phản ánh hiệu quả của công tác bình đẳng giới ở Nghệ An trong những năm qua, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Như đã phân tích ở trên, trong 10 năm qua, tỷ lệ lao động nữ có việc làm có trình độ đại học trở lên ở Nghệ An đã tăng lên và đến năm 2019 tỷ lệ này đã cao hơn so với nam giới. Việc cải thiện trình độ chuyên môn kỹ thuật có thể đã phần nào góp phần cải thiện việc làm cho lao động nữ.

Bảng 4. Cơ cấu lao động có việc làm chia theo nghề nghiệp ở Nghệ An (%)

	Năm 2009			Năm 2019		
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
Nhà lãnh đạo, chuyên môn kỹ thuật bậc cao và bậc trung	6,9	6,4	7,4	7,9	6,3	9,5
Nhân viên văn phòng/dịch vụ và bán hàng	8,5	6,0	11,1	16,8	12,4	21,3
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan, thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	11,9	19,6	4,2	21,4	32,8	9,7
Nghề giản đơn	72,7	68,0	77,4	54,0	48,5	59,6
Tổng	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019.

Cơ cấu nghề nghiệp của nhóm người Kinh và người DTTS ở Nghệ An có sự khác biệt rõ rệt. Tỷ lệ người DTTS làm lao động giản đơn chiếm tới 82,5% tổng số người dân tộc đang làm việc trong khi tỷ lệ này ở nhóm người Kinh chỉ chiếm 48,3%. Ngược lại, người Kinh chiếm ưu thế trong các ngành nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật. Ví dụ, tỷ lệ người Kinh làm lãnh đạo, các nhà chuyên môn bậc cao và bậc trung chiếm 8,6%, cao hơn gấp đôi so với nhóm DTTS (3,8%).

Cơ cấu nghề nghiệp có sự khác biệt rõ ràng giữa nông thôn với đô thị, giữa các vùng miền kém phát triển và phát triển. Nhìn chung, các vùng kinh tế phát triển, khu vực đô thị vẫn là nơi có nhiều công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn như lãnh đạo, các nhà chuyên môn bậc cao và bậc trung... trong khi lao động giản đơn vẫn là công việc phổ biến ở các khu vực kém phát triển như nông thôn, miền núi. Cụ thể, năm 2019, tỷ lệ lao động làm lao động giản đơn ở nông thôn vẫn còn chiếm hơn 1/2 số lao động đang có việc làm (58,8%) trong khi tỷ lệ này ở đô thị chỉ chiếm 16,9%. Ngược lại, tỷ lệ lao động làm lãnh đạo, nhà chuyên môn bậc cao và bậc trung ở đô thị cao gấp nhiều lần nông thôn (22,6% so với 5,7%).

So sánh với năm 2009, cơ cấu lao động theo vị thế nghề nghiệp ở Nghệ An đã có sự dịch chuyển nhất định ở cả đô thị và nông thôn. Tỷ lệ lao động giản đơn ở cả đô thị và nông thôn giảm khá nhanh. Năm 2009, lao động giản đơn ở đô thị và nông thôn lần lượt là 21,2% và 78,7% giảm xuống còn 16,9% và 58,8%. Đặc biệt ở nông thôn, tỷ lệ lao động giản đơn giảm gần 20 điểm phần trăm. Ngược lại, tỷ lệ nhân viên văn phòng, dịch vụ và bán hàng ở cả hai khu vực đều tăng. Ở thành thị, tỷ lệ làm các công việc này tăng từ 30,2% năm 2009 lên 38,6% năm 2019, trong khi ở nông thôn tăng gấp đôi trong cùng thời kỳ (6,0% lên 13,7%). Tỷ lệ thợ thủ công, thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị và các thợ khác ở nông thôn cũng tăng gấp đôi từ 10,3% năm 2009 lên 21,7% năm 2019 trong khi tỷ lệ lao động làm công việc này ở đô thị giảm nhẹ từ 25,7% năm 2009 xuống còn 21,9% năm 2019. Nhóm lao động làm lãnh đạo/các nhà chuyên môn bậc cao và bậc trung ở cả thành thị và nông thôn gần như không biến động trong thời kỳ này. Như vậy, cơ cấu lao động ở Nghệ An đã có dịch chuyển theo hướng giảm tỷ lệ lao động giản đơn và tăng tỷ lệ lao động kỹ thuật nhưng chủ yếu tập trung trong các nhóm ngành kỹ thuật thấp trong khi các ngành kỹ thuật cao, các ngành nghề chuyên môn hầu như không có sự biến đổi.

Cơ cấu nghề nghiệp giữa các vùng miền vẫn có sự chênh lệch lớn. Những nghề nghiệp đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật vẫn tập trung nhiều ở khu vực đồng bằng ven biển, tiếp đó là vùng núi thấp - trung du và núi cao. Năm 2019, 26,5% lao động ở vùng đồng bằng ven biển làm thợ thủ công, thợ lắp ráp vận hành máy móc thiết bị và các thợ khác trong khi tỷ lệ này ở vùng núi thấp và trung du là 19,7%, và ở vùng núi cao chỉ chiếm 9,3%. Ngược lại, ở vùng đồng bằng ven biển chỉ có 41,5% lao động giản đơn trong khi tỷ lệ này ở hai vùng còn lại lần lượt là 63,5% và 75,5%.

Như vậy, trong cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp hiện nay ở Nghệ An, lao động giản đơn vẫn là công việc chính, chiếm hơn 1/2 số lao động có việc làm trong toàn tỉnh. Cơ cấu việc làm ở Nghệ An đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động giản đơn và tăng tỷ lệ các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ

thuật nhưng chủ yếu tập trung ở các nhóm ngành có trình độ kỹ thuật chưa cao và công việc có chuyên môn cao vẫn tập trung ở khu vực đô thị và vùng đồng bằng ven biển.

2.4. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

Giai đoạn 2009-2019, cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế ở Nghệ An đã dần dịch chuyển theo hướng hiện đại hóa nhưng còn chậm. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm dần khá nhanh từ chỗ chiếm 69,7% tổng số lao động có việc làm tại Nghệ An năm 2009 đến năm 2019, giảm xuống còn 49,7%. Trong khi đó, tỷ lệ lao động trong ngành khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ đều tăng lên đáng kể (tăng khoảng 10 điểm phần trăm) nhưng đến năm 2019, tỷ lệ lao động trong hai ngành này vẫn còn thấp hơn đáng kể so với ngành nông, lâm, thủy sản. Đồng thời, so với cả nước, tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, thủy sản của Nghệ An vẫn cao hơn đáng kể (49,7% so với 35,5%) trong khi tỷ lệ lao động trong các ngành còn lại, đặc biệt là dịch vụ vẫn thấp hơn trung bình cả nước.

Bảng 5. Tỷ lệ lao động trong các ngành kinh tế ở Nghệ An và cả nước (%)

	Năm 2009				Năm 2019			
	Cả nước	Tổng (Nghệ An)	Nam (Nghệ An)	Nữ (Nghệ An)	Cả nước	Tổng (Nghệ An)	Nam (Nghệ An)	Nữ (Nghệ An)
Nông, lâm, thủy sản	53,9	69,7	64,5	74,9	35,3	49,7	43,2	56,3
Khai khoáng, công nghiệp, xây dựng	20,3	12,7	19,5	5,9	29,2	22,0	31,7	11,9
Dịch vụ	25,8	17,6	16,0	19,2	35,5	28,4	25,0	31,8

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019; Báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 và 2019.

Cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế ở Nghệ An cũng cho thấy sự khác biệt giới rõ nét. Lao động nữ chiếm ưu thế trong các ngành nông, lâm, thủy sản và dịch vụ. Trong khi đó, khai khoáng, công nghiệp và xây dựng vẫn là lĩnh vực ưu thế của nam giới (31,7% so với 11,9%). Trong giai đoạn 2009-2019, tuy tỷ lệ lao động nam và nữ đều giảm trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và đều tăng trong ngành khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ nhưng sự phân chia nghề nghiệp theo giới vẫn tiếp tục được duy trì.

Tỷ lệ lao động trong các ngành kinh tế có sự chênh lệch khá rõ giữa các nhóm dân tộc. Phần lớn lao động DTTS vẫn tập trung trong nhóm ngành nông, lâm, thủy sản, chiếm 80,6% và cao gần gấp đôi so với nhóm người Kinh (44%). Ngược lại, người Kinh chiếm ưu thế hơn trong ngành khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Bảng 6. Tỷ lệ lao động chia theo ngành kinh tế năm 2019 (%)

	Nông, lâm, thủy sản	Khai khoáng, công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Dân tộc			
Kinh	44,0	24,4	31,6
DTTS	80,6	8,8	10,6
Nơi cư trú			
Thành thị	12,0	20,0	68,1
Nông thôn	55,1	22,2	22,6
Vùng miền			
Núi cao	72,5	9,9	17,6
Núi thấp và trung du	60,4	19,4	20,2
Đồng bằng ven biển	36,1	27,4	36,5

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019.

Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế cũng phản ánh rõ đặc trưng của các khu vực kinh tế, các vùng miền. Tỷ lệ lao động trong các ngành kinh tế có sự khác biệt rõ rệt giữa khu vực nông thôn và đô thị. Lao động nông thôn làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp vẫn chiếm phần lớn (55,1%) và cao hơn gấp nhiều lần so với lao động đô thị (12%). Ngược lại, cùng với sự phát triển của các ngành dịch vụ ở đô thị, lao động đô thị chiếm ưu thế lớn trong lĩnh vực này so với nhóm cư trú ở nông thôn (68,1% so với 22,6%).

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính ở vùng núi cao và vùng núi thấp, trung du, thu hút phần lớn tỷ lệ lao động ở các vùng này (vùng núi: 72,5%; vùng núi thấp và trung du: 60,4%) trong khi tỷ lệ này ở vùng đồng bằng ven biển chỉ chiếm khoảng 36,1%. Ngược lại, khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là các ngành kinh tế mà khu vực đồng bằng ven biển có nhiều lợi thế phát triển với tỷ lệ lao động của vùng đồng bằng ven biển ở hai ngành này đều chiếm tỷ lệ cao nhất và cao hơn đáng kể so với hai vùng còn lại.

Có thể thấy, cơ cấu lao động theo ngành kinh tế ở Nghệ An đã có sự dịch chuyển theo hướng hiện đại hơn nhưng tốc độ còn chậm. Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp vẫn còn cao, đặc biệt ở khu vực miền núi phía tây Nghệ An.

3. Kết luận

Cơ cấu việc làm ở Nghệ An đang có sự dịch chuyển theo chiều hướng hiện đại nhưng tốc độ còn chậm và có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, thể hiện ở cả trình độ chuyên môn, cơ cấu nghề nghiệp và cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế.

Tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo ở Nghệ An khá cao, cao hơn mức trung bình chung của cả nước nhưng tỷ lệ đã qua đào tạo đang có xu hướng

gia tăng. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo có sự khác biệt giữa khu vực nông thôn - đô thị và giữa các vùng miền. Nhìn chung, lao động có việc làm đã qua đào tạo vẫn có xu hướng tập trung ở các đô thị và vùng đồng bằng ven biển. Điều này phần nào cũng đặt ra những thách thức đối với quá trình chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế ở khu vực miền Tây Nghệ An.

Trong giai đoạn 2009-2019, cơ cấu việc làm ở Nghệ An đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động giản đơn và tăng tỷ lệ các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật nhưng chủ yếu tập trung ở các nhóm ngành có trình độ kỹ thuật chưa cao gồm nhân viên, dịch vụ cá nhân, bán hàng và thợ thủ công, thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị. Trong cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp hiện nay ở Nghệ An, lao động giản đơn vẫn chiếm hơn $\frac{1}{2}$ số lao động có việc làm trong toàn tỉnh. Vì vậy, trong những năm tới, tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, tạo các công việc bền vững cho người lao động thông qua phát triển các khu công nghiệp cũng như ngành dịch vụ du lịch một cách phù hợp.

Cơ cấu nghề nghiệp ở Nghệ An có sự chênh lệch lớn giữa khu vực nông thôn và đô thị, giữa các vùng miền và huyện/thị xã. Các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn, đặc biệt là chuyên môn cao vẫn có xu hướng tập trung ở khu vực đô thị, vùng đồng bằng ven biển, đặc biệt là thành phố Vinh. Khoảng cách trong phân bố công việc có trình độ chuyên môn cao dẫn đến những khó khăn trong việc thu hút lao động chất lượng cao để phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng núi cao, núi thấp và trung du.

Giai đoạn 2009-2019, cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế ở Nghệ An đã dần dịch chuyển theo hướng hiện đại hóa nhưng tốc độ còn chậm. Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm xuống trong khi lao động ở các ngành khai khoáng, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, đến năm 2019, tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp ở Nghệ An vẫn chiếm gần $\frac{1}{2}$ tổng số lao động có việc làm và ở mức cao hơn đáng kể so với trung bình chung của cả nước. Cũng như cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế ở Nghệ An cũng có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền. Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính thu hút lao động ở vùng núi và trung du trong khi khu vực đồng bằng ven biển có ưu thế hơn trong ngành dịch vụ và khai khoáng, công nghiệp, xây dựng.

Tài liệu trích dẫn

Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.
World Bank. 2012. *World Development Report 2013: Jobs*. Truy cập <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/11843>, ngày 22/03/2022.